TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** TỈNH BÌNH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2025/DS-ST
Ngày: 10-6-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Bình

2. Ông Nguyễn Đức Binh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Sang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2025 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2025/QĐXXST-DS ngày 07/5/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2025/QĐST-DS ngày 23/5/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968 và ông Nguyễn Xuân Tr, sinh năm 1966; nơi thường trú: Tổ U, thôn T, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh B; Địa chỉ liên hệ: Nhà số M, đường số N, phường Ph, thành phố Th, Thành phố H.

Ông Tr chết ngày 28/02/2025 theo Giấy chứng tử số 08/2025 ngày 07/3/2025.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Xuân Tr:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; nơi thường trú: Tổ U, thôn T, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh B.

2. Ông Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1992;

3. Bà Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1991;

4. Bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, sinh năm 1995;

5. Ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 2000;

6. Bà Nguyễn Thị Xuân Th1, sinh năm 2004;

Cùng thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1:

1. Bà Hoàng Thị Bích Ng, sinh năm 1984; Thường trú: Tổ U1, thôn T1, xã N, huyện Đ1, tỉnh B; Địa chỉ liên hệ: Nhà số M, đường số N, phường Ph, thành phố Th, Thành phố H.

2. Bà Nguyễn Ngọc Bảo K, sinh năm 2002; Thường trú: thôn T2, xã Th, huyện Đ2, tỉnh L; Địa chỉ liên hệ: Nhà số M, đường số N, phường Ph, thành phố Th, Thành phố H.

Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 17/02/2025 và văn bản ủy quyền ngày 26/3/2025).

- Bị đơn: Bà Cao Thị Hà Nh, sinh năm 1988 và ông Phan Hoài B; cùng thường trú: Số nhà V, đường số X, tổ U3, thôn T3, xã N, huyện Đ1, tỉnh B; Nơi cư trú: Tổ U4, thôn T4, xã N, huyện Đ1, tỉnh B.

Bà Ngọc, bà Kim, bà H, bà Nh vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Ông B vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hoàng Thị Bích Ng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng bị đơn bà Cao Thị Hà Nh và ông Phan Hoài B có vay mượn tiền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và chồng là ông Nguyễn Xuân Tr để phục vụ cho nhu cầu của gia đình. Việc vay mượn có ghi nhận lại trong Giấy mượn tiền có chữ ký xác nhận của bị đơn bà Cao Thị Hà Nh. Cụ thể như sau:

Ngày 13/01/2022, vợ chồng bà Cao Thị Hà Nh đã mượn số tiền là 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng). Có hẹn là 04 tháng sau sẽ trả đủ số tiền đã mượn. Hết hạn hẹn trả, vợ chồng bà Nguyễn Thị H đã yêu cầu vợ chồng bà Cao Thị Hà Nh trả nợ nhiều lần, tuy nhiên bà Nh luôn hứa hẹn hết lần này đến lần khác, trốn tránh không trả tiền. Khoản nợ này được vợ chồng bị đơn bà Nh, ông B mượn để phục vụ cho nhu cầu gia đình nên đây là khoản nợ chung của vợ chồng ông, bà. Vì thế, cả hai vợ chồng bà Nh và ông B phải cùng chịu trách nhiệm thanh toán khoản nợ cho vợ chồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Xuân Tr khởi kiện buộc bị đơn bà Cao Thị Hà Nh và ông Phan Hoài B có trách nhiệm thanh toán số tiền gồm:

+ Tiền nợ gốc 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng);

+ Số tiền lãi tính từ ngày 15/05/2022 đến ngày 23/05/2025 với mức lãi suất 10%/năm là 10.888.767 đồng (Mười triệu tám trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng).

Tổng số tiền phải trả là: 46.888.767 đồng (Bốn mươi sáu triệu tám trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng).

Ngoài ra, sau phiên tòa xét xử sơ thẩm đến ngày bản án có hiệu lực mà bị đơn không tự nguyện trả tiền cho nguyên đơn thì bị đơn phải chịu lãi với mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 trên khoản tiền nợ còn phải trả tính từ ngày có bản án sơ thẩm có hiệu lực đến ngày thanh toán xong khoản nợ cho nguyên đơn.

- Tại các bản tự khai ngày 25/3/2025, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 trình bày: Các ông, bà thống nhất từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác trong vụ án này, giao toàn bộ quyền tài sản cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án cho bà H quyết định.

Tại bản tự khai ngày 19/4/2025, bà Hoàng Thị Bích Ng và bà Nguyễn Ngọc Bảo K là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 trình bày: Thống nhất ý kiến với những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr về việc họ từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác (bao gồm quyền nhận hoàn trả tiền tạm ứng án phí) trong vụ án và giao toàn bộ quyền tài sản, cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án nêu trên cho nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/5/2025, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Cao Thị Hà Nh trình bày: Bà Nh và ông Phan Hoài B là vợ chồng kết hôn năm 2006. Hiện nay vợ chồng đang sinh sống tại địa chỉ tổ 8, thôn 10, xã N, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Ngày 13/01/2022, bà Nh có mượn của bà Nguyễn Thị H số tiền là 36.000.000 đồng, mượn để mua bảo hiểm do bà H bán và để làm ăn buôn bán, tuy nhiên chồng bà Nh là ông B không biết việc bà Nh mượn tiền. Việc mượn tiền không thỏa thuận trả lãi, bà Nh không nhớ có hẹn thời gian sẽ trả tiền hay không. Bà Nh có ký tên của bà Nh vào giấy mượn.

Cho đến nay, bà Nh đã trả được 01 ít tiền cho bà H nhưng cụ thể không nhớ là bao nhiêu, bà Nh sẽ làm việc lại với bà H.

Nay, bà H, ông Tr khởi kiện tại Tòa án buộc vợ chồng bà Nh có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Xuân Tr số tiền gồm: Tiền nợ gốc 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng), tiền lãi tính từ ngày 14/05/2022 đến ngày 17/4/2025 với mức lãi suất 10%/năm là 10.690.000 đồng (Mười triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng). Tổng cộng số tiền phải trả là 46.690.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng), thì bà Nh có ý kiến như sau: Số tiền này bà Nh mượn với tư cách cá nhân, không liên quan gì đến chồng của bà Nh.

+ Bà Nh thừa nhận có mượn bà H số tiền gốc 36.000.000 đồng nhưng đã trả được 01 ít, bà Nh sẽ đối chiếu lại để thống nhất số tiền còn nợ.

+ Đối với tiền lãi, bà Nh đồng ý trả tiền lãi với mức 10%/năm, còn về số tiền gốc để tính lãi thì bà Nh sẽ làm việc với bà H để chốt lại sau.

- Bị đơn ông Phan Hoài B trong suốt quá trình tố tụng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh:

+ Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr; bà Hoàng Thị Bích Ng, bà Nguyễn Ngọc Bảo K là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1; bị đơn bà Cao Thị Hà Nh chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Phan Hoài B đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 23/5/2025 và ngày 10/6/2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Việc xác định tư cách người tham gia tố tụng của ông Phan Hoài B là bị đơn trong vụ án là chưa đúng theo Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bởi vì khi bị đơn mượn tiền đều không có ông B tham gia.

+ Về nội dung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn, bị đơn bà Nh đều thừa nhận giữa hai bên có quan hệ mượn tiền, số tiền bị đơn mượn là 36.000.000 đồng. Bị đơn bà Nh khai nhận mượn tiền để mua bảo hiểm và làm ăn buôn bán nên cần buộc chồng bà Nh là ông B cùng chịu trách nhiệm trả tiền là phù hợp. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 đều trình bày từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác trong vụ án này, giao toàn bộ quyền tài sản cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án cho bà H quyết định. Nguyên đơn yêu cầu bà Nh, ông B trả số tiền nợ gốc là 36.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 15/05/2022 đến ngày 23/05/2025 với mức lãi suất 10%/năm trên khoản tiền nợ gốc là 10.888.767 đồng (Mười triệu tám trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng). Tổng cộng số tiền phải trả là 46.888.767 đồng (Bốn mươi sáu triệu tám trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng) là phù hợp. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr; bà Hoàng Thị Bích Ng, bà Nguyễn Ngọc Bảo K là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1; bị đơn bà Cao Thị Hà Nh chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Phan Hoài B đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 23/5/2025 và ngày 10/6/2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.2] Về tư cách tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr chết ngày 28/02/2025 theo Giấy chứng tử số 08/2025 ngày 07/3/2025. Theo bản tường trình quan hệ nhân thân; bản sao Giấy chứng tử số 26/2010, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã Đ cấp ngày 25/10/2010 và bản sao Giấy khai sinh số 473 ngày 14/12/2018 của ông Nguyễn Xuân Tr do nguyên đơn nộp, thì mẹ ông Tr là bà Nguyễn Thị B3 và cha là ông Nguyễn Tr3 đã chết. Như vậy, căn cứ vào 05 bản sao Giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân xã Đ cấp và Giấy chứng nhận kết hôn số 235, quyển số 01 ngày 28/02/1989 do Ủy ban nhân dân xã Đ cấp thì hàng thừa kế thứ nhất của ông Tr gồm vợ là bà Nguyễn Thị H và 05 người con ruột là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1. Do đó, Tòa án đưa những người này vào tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tr.

[1.3] Về thay đổi tư cách tham gia tố tụng: Theo quy định tại Khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng Dân sự: *"Bị đơn trong vụ án dân sự là người bị nguyên đơn khởi kiện hoặc bị cơ quan, tổ chức, cá nhân khác do Bộ luật này quy định khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự khi cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị người đó xâm phạm"*. Trong vụ án này, nguyên đơn cho rằng vợ chồng bà Cao Thị Hà Nh và ông Phan Hoài B nợ tiền của nguyên đơn, vì vậy nguyên đơn đưa ông B vào tham gia tố tụng với tư cách bị đơn là phù hợp. Như vậy, yêu cầu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh về việc thay đổi tư cách tố tụng của ông Phan Hoài B từ bị đơn thành người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không cần thiết.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện buộc vợ chồng bị đơn bà Cao Thị Hà Nh và ông Phan Hoài B phải thanh toán số tiền 46.888.767 đồng (Bốn mươi sáu triệu tám trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng), gồm: Nợ gốc là 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng); số tiền lãi tính từ ngày 15/05/2022 đến ngày 23/05/2025 với mức lãi suất 10%/năm trên khoản tiền nợ gốc là 10.888.767 đồng (Mười triệu tám trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng).

Nộp kèm là bản chính Giấy mượn tiền ngày 13/01/2022.

[3] Theo Giấy mượn tiền ngày 13/01/2022 do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án thể hiện: Bà Cao Thị Hà Nh, chồng Phan Hoài B, tổ U4, thôn T4, xã N. Hôm nay, ngày 13/01/2022, vợ chồng bà có mượn của bà H số tiền 36.000.000 đồng. Hẹn 4 tháng sau sẽ trả đủ. Phía dưới có chữ ký của bà Cao Thị Hà Nh.

[3.1] Bị đơn bà Cao Thị Hà Nh thừa nhận, ngày 13/01/2022 có lập và ký Giấy mượn tiền với nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, nội dung giống như Giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án. Bà Nh xác nhận có mượn và nợ nguyên đơn bà H số tiền 36.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3.2] Xét thấy quá trình tố tụng, mặc dù ông B không đến tòa án làm việc, không có ý kiến gửi đến Tòa án và giấy mượn tiền do một mình bị đơn bà Nh ký kết. Nhưng căn cứ vào lời trình bày của bà Nh thì bà và ông Phan Hoài B là vợ chồng, kết hôn năm 2006, hiện nay vợ chồng đang sinh sống tại địa chỉ tổ U4, thôn T4, xã N, huyện Đ1, tỉnh B, mục đích mượn tiền để mua bảo hiểm và làm ăn buôn bán. Như vậy, số tiền mượn dùng để chăm sóc sức khỏe cho bà Nh và buôn bán tạo kinh tế cho gia đình, đây là nhu cầu thiết yếu của gia đình. Từ đó có căn cứ xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng bị đơn bà Nh, ông B theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, do đó, trách nhiệm trả tiền nợ thuộc về cả hai vợ chồng bị đơn bà Nh, ông B.

Bà Nh trình bày bà đã thanh toán được 01 ít tiền nợ gốc cho nguyên đơn, tuy nhiên không có chứng cứ để chứng minh. Người đại diện nguyên đơn trình bày bà Nh, ông B chưa thanh toán được số tiền nợ. Như vậy, thực tế bị đơn bà Nh, ông B có mượn số tiền là 36.000.000 đồng và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn.

[3.3] Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 đều trình bày từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác trong vụ án này, giao toàn bộ quyền tài sản cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án cho bà H quyết định.

Bị đơn bà Nh, ông B có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ 36.000.000 đồng cho nguyên đơn bà H là phù hợp. Từ đó có căn cứ xác định, việc bà H, ông Tr khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nh, ông B thanh toán số tiền nợ gốc là có cơ sở theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về lãi suất: Theo Giấy mượn tiền và sự thừa nhận của hai bên, việc mượn tiền không thỏa thuận tính lãi, hẹn sau 04 tháng sẽ thanh toán. Như vậy, đây là quan hệ vay tiền không có lãi suất, có kỳ hạn. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, do đó, việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi sau khi hết kỳ hạn là phù hợp.

Số tiền 36.000.000 đồng mượn ngày 13/01/2022, hẹn sau 04 tháng sẽ trả đủ, vậy ngày đến hạn trả nợ là ngày 13/5/2022. Lãi suất sẽ được tính từ ngày 14/5/2022 đến ngày 23/5/2025 với mức lãi suất 10%/năm. Cụ thể: 36.000.000 đồng x 10%/năm x 3 năm 09 ngày = 10.890.000 đồng.

Người đại diện nguyên đơn xác định số tiền lãi tính từ ngày 15/5/2022 đến ngày 23/5/2025 (là 1.104 ngày) với mức lãi suất 10%/năm là 10.888.767 đồng (Mười triệu tám trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng).

Mức lãi suất này là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, vì vậy có cơ sở chấp nhận.

[5] Về tạm ứng án phí: Thời điểm đóng tạm ứng án phí, bà H và ông Tr cùng đóng. Tuy nhiên, ngày 28/02/2025, ông Tr chết. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Tr cùng người đại diện hợp pháp của họ trình bày từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác (bao gồm quyền nhận hoàn trả tiền tạm ứng án phí) trong vụ án và giao toàn bộ quyền tài sản, cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án nêu trên cho nguyên đơn bà H. Vì vậy, tiền tạm ứng án phí sẽ được trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Cao Thị Hà Nh và ông Phan Hoài B phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 74, 92, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Các Điều 357, 463, 466, 468, Điều 609, Điều 614 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Xuân Tr đối với bị đơn bà Cao Thị Hà Nh, ông Phan Hoài B về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bị đơn bà Cao Thị Hà Nh, ông Phan Hoài B có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền 46.888.767 đồng (Bốn mươi sáu triệu tám trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng), gồm: Nợ gốc là 36.000.000 đồng

(Ba mươi sáu triệu đồng); số tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm là 10.888.767 đồng (Mười triệu tám trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Cao Thị Hà Nh, ông Phan Hoài B phải chịu 2.344.438 đồng (Hai triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng).

- Trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 887.000 đồng (Tám trăm tám mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005176 ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự (4);
- VKSND huyện Đức Linh (1);
- CC THADS huyện Đức Linh (1);
- TAND tỉnh Bình Thuận (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung